TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-09-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng và ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: **ông Lê Quốc Trung –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TỊNH BIÊN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nèang Chhuk R**,** sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* ông Chau Rót T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp M, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nèang Chhuk R trình bày:

Năm 2000, bà R và ông T quen biết, qua tìm hiểu, được hai bên gia đình cho phép bà R và ông T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến ngày nay không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới hai người sống tại gia đình của bà R tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, ông T thường xuyên bỏ nhà ra đi, đến năm 2003 khi bà R sinh đứa con chung tên P thì ông T bỏ nhà ra đi đến nay, không còn liên lạc nhau nhưng cho đến nay chưa làm thủ tục ly hôn.

Nay, bà R làm đơn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 đứa con chung tên Chau Sô P1, sinh ngày 27/11/2003, đã trưởng thành, đang học đại học nên bà R, không yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2. Ý kiến của bị đơn ông Chau Rót T trình bày:

Đúng như lời trình bày của nguyên đơn, trong năm 2000, ông T và bà R quen biết, qua tìm hiểu, được hai bên gia đình cho phép ông T và R tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới hai người sống tại gia đình bên vợ tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống không hạnh phúc, do ông T thường xuyên đi làm ăn nên phải xa nhà, từ đó vợ chồng ít nói chuyện, mỗi lần nói thì thường cự cải nên ông T cứ bỏ đi từ năm 2003 đến nay không còn liên lạc nhau, hiện tại ông T và R đều có gia đình nên R xin ly hôn ông T hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: có 01 đứa con chung tên Chau Sô P1, sinh ngày 27/11/2003, con sinh sống với R, con đã trưởng thành, đang học đại học nên ông T không yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà R, ông T đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn ông T có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa bà R, ông T được xác lập vào năm 2000 trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã thay thế Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986) để giải quyết theo quy định tại Điều 109 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà R, bị đơn ông T, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông T tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Do đó, bà Nèang Chhuk R, ông Chau Rót T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: có 01 đứa con chung tên Chau Sô P1, sinh ngày 27/11/2003, con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn bà Nèang Chhuk R là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

- Bị đơn ông Chau Rót T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 11, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nèang Chhuk R

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nèang Chhuk R và ông Chau Rót T là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nèang Chhuk R phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009283 ngày 12 tháng 09 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều"Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm satgs nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú